

KẾ HOẠCH

Thực hiện “3 công khai” năm học 2022 - 2023

Thực hiện Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Thực hiện Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập

Trường THCS Đoàn Thị Điểm xây dựng Kế hoạch thực hiện “3 công khai” năm học 2022 - 2023 như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai

- Nhằm nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ quản lý và tập thể giáo viên nhà trường ý thức trách nhiệm và tinh thần cộng đồng trong công tác.
- Quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng một tập thể dân chủ, đoàn kết.
- Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm học.
- Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn.
- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng môi trường đoàn kết trong nội bộ trong trường học.
- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nội dung thực hiện ba công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a. Cam kết chất lượng giáo dục

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh.

b. Chất lượng giáo dục thực tế

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT,....

c. Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia

Kế hoạch xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d. Kiểm định nhà trường

Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

a. Cơ sở vật chất

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp.

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo,...

3. Công khai thu - chi tài chính

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài.

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

III. Hình thức và thời điểm công khai

a. Hình thức:

- Công khai trên website của nhà trường

- Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp, hội nghị ban đại diện CMHS.

b. Thời điểm công khai

Công khai định kỳ hằng tháng, hằng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV. Thực hiện 4 kiểm tra

- Ban thanh tra nhân dân thường xuyên giám sát về việc tuyển dụng giáo viên, mua sắm, sửa chữa CSVN, chi chế độ cho CB - GV - NV, chế độ nâng lương và các khoản phụ cấp (nếu có).
- Ban thanh tra chuyên môn dưới sự chỉ đạo của BGH nhà trường kiểm tra chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh theo định kỳ, theo lịch kiểm tra định kỳ trong năm học.

V. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm

- Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.
- Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.
- + Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.
- + Đưa lên website của nhà trường.

2. Các thành viên có liên quan

- Cô Nguyễn Thị Ngọc Thủy (PHT): Hoàn thành các nội dung công khai theo biểu mẫu số 9 và số 10: Công khai về cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế.
- Thầy Phạm Đức Lập (PHT): Hoàn thành các nội dung công khai về CSVN theo (biểu số 11).
- Cô Ngô Thị Kim Oanh (Kế toán):
 - + Công khai các quỹ có từ ngân sách nhà nước và các quỹ khác trong nhà trường.
 - + Thực hiện niêm yết các mẫu công khai dự toán, quyết toán thu tài chính.
 - + Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

+ Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị...

+ Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Thanh tra nhân dân: Có trách nhiệm thanh tra các quỹ đúng thời gian, công khai vào phiên Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm và niêm yết tại văn phòng nhà trường.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện “3 công khai” về chất lượng giáo dục điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2022 - 2023 của trường THCS Đoàn Thị Điểm./.

Nơi nhận:

- Các PHT;
- Các TTCM; CTCĐ;
- Trưởng ban TTND;
- Niêm yết bảng tin;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lưu Thị Hà Phương

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục trường THCS, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- Những học sinh lớp 5 các trường tiểu học: Trương Quyền; Kỳ Đồng (TCTA); Nguyễn Thi trong quận 3 đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học có hồ sơ hợp lệ và tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (theo giấy khai sinh hợp lệ).	Có hộ khẩu thường trú hoặc KT3 ở quận 3. Có cha mẹ là công chức, viên chức cơ quan nhà nước, quân đội, công an trên địa bàn quận 3. Cha mẹ có công đóng góp xây dựng quận 3, xây dựng sự nghiệp giáo dục.	Có hộ khẩu thường trú hoặc KT3 ở quận 3. Có cha mẹ là công chức, viên chức cơ quan nhà nước, quân đội, công an trên địa bàn quận 3. Cha mẹ có công đóng góp xây dựng quận 3, xây dựng sự nghiệp giáo dục.	Có hộ khẩu thường trú hoặc KT3 ở quận 3. Có cha mẹ là công chức, viên chức cơ quan nhà nước, quân đội, công an trên địa bàn quận 3. Cha mẹ có công đóng góp xây dựng quận 3, xây dựng sự nghiệp giáo dục.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Giáo dục quốc dân Trung học cơ sở/ GDPT 2018	Giáo dục quốc dân Trung học cơ sở/ GDPT 2018	Giáo dục quốc dân Trung học cơ sở/ GDPT 2006	Giáo dục quốc dân Trung học cơ sở/ GDPT 2006
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Gia đình: phải quan tâm đến việc học tập và giáo dục đạo đức của học sinh. Học sinh: phải có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực rèn luyện kỹ năng sống	Gia đình: phải quan tâm đến việc học tập và giáo dục đạo đức của học sinh. Học sinh: phải có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực rèn luyện kỹ năng sống	Gia đình: phải quan tâm đến việc học tập và giáo dục đạo đức của học sinh. Học sinh: phải có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực rèn luyện kỹ năng sống	Gia đình: phải quan tâm đến việc học tập và giáo dục đạo đức của học sinh. Học sinh: phải có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực rèn luyện kỹ năng sống
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Có 7 phòng chức năng đáp ứng việc dạy – học. - Sân chơi rộng rãi. - Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa gắn liền với việc rèn kỹ năng sống cho học sinh.	- Có 7 phòng chức năng đáp ứng việc dạy – học. - Sân chơi rộng rãi. - Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa gắn liền với việc rèn kỹ năng sống cho học sinh.	- Có 7 phòng chức năng đáp ứng việc dạy – học. - Sân chơi rộng rãi. - Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa gắn liền với việc rèn kỹ năng sống cho học sinh.	- Có 7 phòng chức năng đáp ứng việc dạy – học. - Sân chơi rộng rãi. - Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa gắn liền với việc rèn kỹ năng sống cho học sinh.

V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Kết quả rèn luyện Tốt: 80% Khá: 17% Đạt: 3% Kết quả học tập Tốt: 35% Khá: 40% Đạt: 23% Chưa đạt: 2% - Sức khỏe học sinh: 100% bình thường, không để xảy ra ổ dịch bệnh truyền nhiễm, ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích tại trường.	Kết quả rèn luyện Tốt: 80% Khá: 17% Đạt: 3% Kết quả học tập Tốt: 30% Khá: 35% Đạt: 33% Chưa đạt: 2% - Sức khỏe học sinh: 100% bình thường, không để xảy ra ổ dịch bệnh truyền nhiễm, ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích tại trường.	Kết quả hạnh kiểm Tốt: 80% Khá: 17% Đạt: 3% Kết quả học lực Tốt: 30% Khá: 35% Trung bình: 33% Yếu - Kém: 2% - Sức khỏe học sinh: 100% bình thường, không để xảy ra ổ dịch bệnh truyền nhiễm, ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích tại trường.	Kết quả hạnh kiểm Tốt: 80% Khá: 17% Đạt: 3% Kết quả học tập Tốt: 35% Khá: 35% Trung bình: 29% Yếu - Kém: 1% - Sức khỏe học sinh: 100% bình thường, không để xảy ra ổ dịch bệnh truyền nhiễm, ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích tại trường.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Hoàn tất chương trình lớp 6 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 7	Hoàn tất chương trình lớp 7 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 8	Hoàn tất chương trình lớp 8 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 9	- Hoàn tất chương trình lớp 9 và đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS. - Đủ khả năng học tập tiếp ở Trung học phổ thông và các trường Trung cấp nghề.

Quận 3, ngày 05 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ngọc Thủy

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THCS, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1227	233	355	356	283
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1042/84.9	202/86.7	303/85.59	275/77.25	262/92.58
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	177/14.4	31/13.3	49/13.84	76/21.35	21/7.42
3	Đạt / Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	4/0.3	0	0	4/1.12	0
4	Chưa đạt / Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	3/0.2	0	2/0.56	1/0.28	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1227	233	355	356	283
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	420/39.2%	61/26.18	138/38.90	124/34.83	89/31.45
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	437/34.3%	183/44.21	131/37.01	185/29.49	112/39.54
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	354/27.7%	60/25.75	80/22.6	110/38.9	82/28.98
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	57/4.5%	9/3.86	5/1.41	17/4.75	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	8/0.6%	1/0.3%	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1227	233	355	356	283
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1211/98.7	227/97.42	349/98.31	352/98.88	283/100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	412/34.0	61/26.18	138/38.90	124/34.83	89/31.45
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	444/34.8%	183/44.21	131/37.01	185/29.49	112/39.54
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	31/2.5	9/0.7	5/0.4	17/1.3	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	15/1.2	6/0.5	5/0.4	4/0.3	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	34/4	3/0	11/2	13/1	7/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố					

3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	283				283
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	283				283
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	58/24.0%				58/24.0%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	100/41.3%				100/41.3%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	84/34.7%				84/34.7%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	647/580				
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	33	12	8	7	6

Quận 3, ngày 05 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ngọc Thủy

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất trường THCS, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	32	Số m2/học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	32	1,3m2/hs
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	6	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	1-Jan	
8	Bình quân học sinh/lớp	38,6	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	5562,3m2	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1500m2	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	33	56m2
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	6	70m2
3	Diện tích thư viện (m ²)	1	70,72m2
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	1	300m2
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	2	30m2/phòng
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	3	
1.2	Khối lớp 7	3	
1.3	Khối lớp 8	3	
1.4	Khối lớp 9	3	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	0	

2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8	0	
2.4	Khối lớp 9	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	72	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	33	
2	Cát xét	6	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	
5	Thiết bị khác...		
6	Bảng tương tác	3	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	33
2	Cát xét	6
3	Đầu Video/đầu đĩa	2
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3
5	Thiết bị khác...	
6	Bảng tương tác	3

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	Sử dụng nhà thi đấu 300m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Sử dụng 24 phòng học (56m ² /phòng)	36 học sinh	1,6m ² /chỗ
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0,2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 3, ngày 05 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ngọc Thủy

Công khai đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên trường THCS, năm học 2022 - 2023

[illegible]

[illegible]

7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật																		
8	Nhân viên công nghệ thông tin																		
9	Bảo vệ, phục vụ	1							4										

Quận 3, ngày 05 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ngọc Thủy